

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2017

*“V/v yêu cầu ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông R Châm Đương;

2. Bà Nguyễn Thị Lan;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên;

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2017, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Đình Đ; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ có tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, anh chị tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ cuối năm nhưng đến ngày 29-12-2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Sau thời gian chung sống với nhau, anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh Đ còn hay rủ rề, tụ tập đánh bài và không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 16-7-2016 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến nhau nên không còn khả năng đoàn tụ. Do vậy, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ có 01 con chung tên là

Đỗ Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15-7-2012. Chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi cháu Đỗ Nguyễn Thảo N cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp hiện tại của chị C là trông coi quán điện tử, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng có đủ khả năng nuôi con theo nguyện vọng. Ngoài ra, trong thời gian vợ chồng ly thân thì anh Đ cũng không thường xuyên thăm nom con, anh Đ lại không có nghề nghiệp ổn định nên chị C không đồng ý giao con cho anh Đ nuôi dưỡng.

- Về chia sản chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong bản tự khai ngày 14-8-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đỗ Đình Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đỗ Đình Đ và chị Nguyễn Thị C có tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, anh chị tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ cuối năm nhưng đến ngày 29-12-2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống với nhau, anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cũng thường xuyên chửi bới, xúc phạm lẫn nhau và đã sống ly thân như chị C trình bày, không còn khả năng đoàn tụ nên anh Đ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

- Về con chung: Anh Đỗ Đình Đ và chị Nguyễn Thị C có 01 con chung tên là Đỗ Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15-7-2012, khi vợ chồng sống ly thân thì cháu N đang sống cùng chị C. Anh Đ không đồng ý giao cháu N cho chị C nuôi, anh yêu cầu được nuôi cháu cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ hiện làm nông, thu nhập không ổn định hàng tháng khoảng 4.000.000 - 7.000.000 đồng.

- Về chia tài sản chung: Anh Đỗ Đình Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị C (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn của chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ (bản gốc); Giấy khai sinh cháu Đỗ Nguyễn Thảo N (bản sao); Bản tự khai (bản gốc);

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai (bản gốc);

5. Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G (bản gốc);

6. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy

định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật;

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị C và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Tại biên bản xác minh ngày 16-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện G thể hiện, anh Đ thường xuyên đi chơi bời, đánh bài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Chị C và anh Đ đã sống ly thân nhau hơn một năm nay, không ai còn quan tâm đến nhau nên không còn khả năng đoàn tụ. Đồng thời tại phiên tòa, chị C và anh Đ đều thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ có 01 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15-7-2012.

Xét yêu cầu được nuôi con của chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ thấy rằng chị C và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Tuy nhiên, xét cháu N chỉ mới hơn 05 tuổi, cháu lại là con gái nên cần được mẹ chăm sóc giáo dục nhiều hơn. Đồng thời, từ thời điểm chị C và anh Đ sống ly thân đến nay đã hơn 01 năm và cháu N đang sống ổn định cùng chị C, anh Đ cũng thừa nhận bản thân không thường xuyên thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, chị C có nghề nghiệp và thu nhập ổn định hơn anh Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị C là chính đáng nên chấp nhận và không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Đ.

Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Đình Đ.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đỗ Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15-7-2012 cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Đỗ Đình Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Nguyễn Thảo N.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000346 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- UBND thị trấn K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính